

THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC HỢP TÁC TRONG HỌC TẬP CHO SINH VIÊN THÔNG QUA HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC GIÁO DỤC HỌC

NGUYỄN THỊ HÀ*

PHẠM THỊ THÚY HẰNG**, MAI THỊ THANH THÚY***

Khoa Tâm lý - Giáo dục, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế

*Email: nguyenthaha@dhsphue.edu.vn

**Email: maithithanhthuy@dhsphue.edu.vn

***Email: phamthithuyhang@dhsphue.edu.vn

Tóm tắt: Nhiều nghiên cứu ứng dụng trong các môn học, ở các cấp học khác nhau đã cho thấy tổ chức học tập hợp tác có thể cải thiện kết quả học tập của người học. Do đó, nghiên cứu để vận dụng tổ chức hoạt động hợp tác cho sinh viên (SV) trong dạy học Giáo dục học (GDH) cũng cần được thực hiện. Bài báo này trình bày kết quả nghiên cứu về cơ sở lý luận và cơ sở thực tiễn của việc phát triển năng lực hợp tác trong học tập cho sinh viên thông qua dạy học học phần GDH ở Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế.

Từ khóa: Năng lực, hợp tác, học tập, giáo dục học.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Hợp tác là một trong những năng lực quan trọng cần phải có để người lao động có thể tồn tại và phát triển được trong thời đại của lực lượng lao động toàn cầu. Do đó, dạy người học cách giao tiếp hiệu quả, hợp tác với người khác và tham gia vào việc tự học đã trở thành những nhiệm vụ cơ bản của giáo dục. Từ thế kỷ 20, hợp tác trong học tập trở thành một xu hướng giáo dục khi nhiều nghiên cứu cho thấy người học có thể học nhanh hơn và ghi nhớ được nhiều hơn ở vai trò đối tác thực sự trong quá trình dạy và học thay vì chỉ tiếp nhận kiến thức từ giáo viên. Kết quả của nghiên cứu được thực hiện đã cho thấy rằng hợp tác trong học tập có ảnh hưởng tích cực đến thành tích học tập của học sinh ở cấp học phổ thông và đại học [4]. Những nghiên cứu về học tập hợp tác ngày càng thu hút sự quan tâm của nhiều nhà nghiên cứu, nhà giáo dục đã khẳng định tuyên bố của Johnsons (2009) rằng: Sử dụng rộng rãi và ngày càng tăng việc học tập hợp tác là một trong những câu chuyện thành công lớn của tâm lý học xã hội và giáo dục [5]. Với sức hút của những thành tựu từ việc ứng dụng học hợp tác trên thế giới, tại Việt Nam đã có nhiều nghiên cứu chuyên sâu vào lý luận, ứng dụng học hợp tác trong lớp học. GDH trong nhà trường sư phạm là học phần quan trọng hình thành và phát triển năng lực nghề cho sinh viên. Ngoài mục tiêu chung, học phần đã xác định mục tiêu cụ thể là góp phần hình thành và phát triển năng lực hợp tác (PTNLHT) cho sinh viên các năm thứ nhất và thứ hai, đáp ứng yêu cầu đào tạo trong nhà trường sư phạm và yêu cầu đối với người giáo viên trong nhà trường phổ thông. Do đó, nghiên cứu những vấn đề lý luận và thực tiễn làm cơ sở khoa học làm cơ sở để đề xuất những biện pháp nâng cao hiệu quả phát triển năng lực hợp tác trong học tập, từ đó nâng cao kết quả học tập học phần GDH cho SV là vấn đề cần thiết, có ý nghĩa khoa học và thực tiễn.

2. CÁC VẤN ĐỀ LIÊN QUAN

2.1. Khái niệm năng lực hợp tác trong học tập

Năng lực hợp tác trong học tập là khả năng cá nhân chia sẻ thông tin, tài nguyên và trách nhiệm với cá nhân khác để cùng nhau lập kế hoạch, thực hiện và đánh giá hoạt động học tập nhằm đạt được mục tiêu chung.

Hợp tác trong học tập thường diễn ra trong nhóm, nhưng làm việc nhóm có thể không có hợp tác. Cần dựa vào vai trò được thể hiện trong làm việc nhóm của SV để xác định SV đang cộng tác hay hợp tác. Hợp tác trong học tập được đặc trưng bởi 5 yếu tố cơ bản: Sự phụ thuộc tích cực lẫn nhau, tương tác được thúc đẩy, trách nhiệm cá nhân, nhiệm vụ và chất lượng giải quyết nhiệm vụ nhóm. Hợp tác trong học tập không xảy ra nếu người học được xếp thành nhóm nhưng không có sự tương tác lẫn nhau. Do đó, khi tổ chức hoạt động để SV hợp tác, giảng viên (GV) trao quyền chủ động cho SV, SV tham gia và quyết định cách thức, tiến trình học tập; GV chỉ là người hỗ trợ, hướng dẫn khi cần thiết [3].

Người có năng lực hợp tác trong học tập phải có tri thức về học tập hợp tác như: Mục đích, yêu cầu, nguyên tắc, cách thức tiến hành, những điều kiện, phương tiện môi trường cần thiết cho học tập hợp tác và phải biết vận dụng trong thực tiễn học tập một cách đúng đắn, linh hoạt, mềm dẻo và có hiệu quả. [2]

2.2. Khả năng phát triển năng lực hợp tác trong học tập cho sinh viên thông qua dạy học Giáo dục học

Phát triển năng lực hợp tác trong học tập cho SV thông qua dạy học GDH phù hợp với xu hướng đổi mới dạy học theo hướng phát triển năng lực cho người học.

Dạy học theo định hướng phát triển năng lực là xu hướng đổi mới giáo dục trong những năm gần đây, đảm bảo chất lượng đầu ra của việc dạy học, chú trọng hình thành năng lực giải quyết các vấn đề trong thực tiễn và cuộc sống. Ngoài đặc trưng là phát huy tính tích cực của người học còn yêu cầu tăng cường hơn nữa việc học tập cá nhân với học hợp tác theo phương châm tạo điều kiện cho người học được suy nghĩ nhiều hơn, làm nhiều hơn và thảo luận nhiều hơn.

Phát triển năng lực hợp tác trong học tập cho SV thông qua dạy học GDH đáp ứng yêu cầu mục tiêu của Học phần.

Chương trình giáo dục phổ thông hiện đã xác định năng lực giao tiếp và hợp tác là một trong những năng lực cốt lõi cần hình thành và phát triển cho học sinh. Để thực hiện được, người giáo viên phải được đào tạo, bồi dưỡng để hoàn thiện về năng lực giao tiếp và hợp tác của mình. GDH trong nhà trường sư phạm là học phần quan trọng hình thành và phát triển năng lực, phẩm chất nghề cho SV. Ngoài mục tiêu chung, học phần đã xác định mục tiêu cụ thể là góp phần hình thành và phát triển năng lực hợp tác cho SV năm thứ nhất và thứ hai, đáp ứng yêu cầu đào tạo trong nhà trường sư phạm và yêu cầu đối với người giáo viên trong nhà trường phổ thông.

Phát triển năng lực hợp tác trong học tập cho SV thông qua dạy học GDH nâng cao kết quả học tập.

Hợp tác trong học tập kích thích hoạt động nhận thức, ghi nhớ kiến thức lâu hơn và thúc đẩy thành tích học tập [7]. Hợp tác trong học tập là cơ hội để SV được tương tác, chia sẻ tài nguyên: tài liệu, kiến thức, kỹ năng, thái độ với nhau. Trong thực tế, mỗi SV đều có vốn kiến thức, kỹ năng, thái độ và nguồn tài nguyên hỗ trợ cho học tập khác nhau. Khi hợp tác, mỗi SV có cơ hội học hỏi nhiều hơn từ những SV là đối tác của mình, qua đó cải thiện bản thân. Khi tiến hành hoạt động hợp tác trong học tập, đòi hỏi SV đưa ra lời giải thích cho ý kiến, đóng góp, chia sẻ; điều này buộc SV phải xây dựng và sắp xếp lại kiến thức của bản thân. Đặc biệt, khi ai đó đưa ra quan điểm khác với quan điểm của cá nhân có thể khiến SV phải suy nghĩ lại về quan điểm của mình. Nhờ việc suy nghĩ lại này, SV có cơ hội phát triển sự hiểu biết sâu sắc hơn, chính xác hơn về kiến thức. Việc ghi nhớ kiến thức do đó cũng trở nên dễ dàng hơn và bền vững hơn.

Tổ chức hoạt động hợp tác trong học tập giúp tăng cường mối quan hệ/ sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các sinh viên trong lớp và giữa GV với SV.

SV trong các lớp học GDH có thể đến từ nhiều khoa khác nhau, GV và SV chủ yếu tương tác với nhau thông qua hoạt động dạy học trong học phần. Do đó mối quan hệ trong nhóm học tập khá lỏng lẻo. Astin gần đây đã nghiên cứu sinh viên tại 159 tổ chức cấp bằng đại học và thấy hai yếu tố môi trường ảnh hưởng lớn nhất đến kết quả giáo dục, đó là tương tác giữa các SV và tương tác giữa GV và SV, hơn cả các yếu tố nội dung chương trình giảng dạy [5]. Tổ chức các hoạt động phát triển năng lực hợp tác cho SV trở thành phương tiện quan trọng trong việc thiết lập, duy trì và phát triển mối quan hệ tương tác giữa SV với SV và với GV. Trong quá trình hợp tác, SV phải thường xuyên tương tác lẫn nhau, chia sẻ cho nhau, qua đó nhận ra rằng kinh nghiệm cá nhân rất quan trọng và có thể đóng góp tích cực cho quá trình học tập không chỉ của bản thân mà còn của người khác. Từ đó, có được sự tự tin khi đóng góp cho sự nỗ lực của SV khác; có cảm giác được coi trọng và chia sẻ trong nhóm và do đó ít có cảm giác cô lập và xa lánh trong lớp.

Phương pháp, kỹ thuật dạy học hợp tác có thể vận dụng vào quá trình dạy học GDH

Để phát triển năng lực cho SV, điều quan trọng nhất vẫn là các phương pháp, kỹ thuật dạy học được GV sử dụng. Học hợp tác trở thành một nhu cầu tất yếu trong quá trình học tập của người học. Do vậy, các nhà giáo dục đã tìm ra được những phương pháp, kỹ thuật giúp người học thỏa mãn nhu cầu. Một số phương pháp và kỹ thuật rất phù hợp cho PTNLHT trong học tập có thể vận dụng vào quá trình dạy học GDH như: Làm việc nhóm, dự án, chia sẻ theo cặp, viết theo vòng, ổ bi, khăn trải bàn, sơ đồ khái niệm,... Những phương pháp và kỹ thuật này vừa phù hợp với nội dung môn học, thời lượng dành cho môn học vừa phù hợp với đối tượng là SV.

Như vậy, về mặt lý luận, việc PTNLHT trong học tập cho SV thông qua dạy học học phần Giáo dục học là mục tiêu, nhiệm vụ của học phần, góp phần thực hiện mục tiêu đào tạo toàn diện cho SV trong nhà trường sư phạm, đáp ứng yêu cầu xã hội.

3. KHÁCH THỂ VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Để xây dựng cơ sở thực tiễn, chúng tôi tiến hành khảo sát trên 120 SV năm thứ nhất học tập Học phần GDH 1, học kỳ 2 năm học 2018-2019 và trên 2 GV trực tiếp giảng dạy. Phương pháp chủ đạo là điều tra bằng Phiếu hỏi. Số phiếu hỏi phát ra là 122, thu về là 122, trong đó có 109 phiếu hợp lệ.

Kết quả điều tra bằng Phiếu hỏi được chúng tôi sử dụng phần mềm SPSS để tính số lượng (SL), tỷ lệ phần trăm (TL%), điểm trung bình (ĐTB) và độ lệch chuẩn (ĐLC).

4. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

4.1. Nhận thức về vai trò của PTNLHT trong học tập cho sinh viên thông qua dạy học GDH

Để tìm hiểu về vấn đề này, trong phiếu hỏi chúng tôi đưa ra các vai trò: “Rất quan trọng”, “Quan trọng” và “Không quan trọng” để SV và GV lựa chọn một trong các vai trò đó. Kết quả được chúng tôi tổng hợp ở Bảng 1.

Bảng 1. Nhận thức về vai trò của PTNLHT trong học tập cho sinh viên

Vai trò	SV		SL (GV)
	SL	TL %	
Rất quan trọng	40	37,38	2
Quan trọng	62	57,94	0
Không quan trọng	5	4,68	0

Kết quả điều tra cho thấy, hầu hết SV và cả 2 GV đánh giá cao vai trò của PTNLHT cho SV thông qua dạy học GDH. Trong đó, phần đông SV cho rằng việc PTNLHT trong học tập cho SV thông qua dạy học GDH đóng vai trò “*Quan trọng*”, chiếm 57,94%. Đây là một nhận thức đúng đắn, phù hợp, tạo cơ sở ban đầu cho việc triển khai các hoạt động PTNLHT trong học tập cho SV trong quá trình dạy học Học phần. Nhận thức này được xây dựng dựa trên những hiểu biết khá đầy đủ về ý nghĩa của năng lực hợp tác đối với hoạt động học tập và sự phát triển nhiều mặt cho SV. Cũng theo kết quả điều tra của chúng tôi, số SV có năng lực hợp tác yếu chiếm 55,14%. Do đó, PTNLHT trong học tập là hết sức cần thiết để đáp ứng nhu cầu và cải thiện năng lực hợp tác cho SV.

4.2. Mức độ tổ chức các hoạt động để PTNLHT trong học tập cho sinh viên trong dạy học GDH

Mức độ tổ chức các hoạt động để PTNLHT trong học tập cho SV càng nhiều, đóng góp của dạy học GDH càng lớn vào quá trình tổ chức hoạt động rèn luyện, bồi dưỡng thường xuyên năng lực cho SV. Để tìm hiểu về vấn đề này, trong phiếu hỏi chúng tôi đưa ra các mức độ: “Rất thường xuyên”, “Thường xuyên”, “Thỉnh thoảng”, “Hiếm khi” để SV và GV lựa chọn một trong các mức độ đó. Kết quả được chúng tôi tổng hợp ở Bảng 2.

Kết quả cho thấy, GV trong quá trình dạy học chỉ “*Thỉnh thoảng*” tổ chức các hoạt động để PTNLHT cho SV. Có 46,73% SV cũng nhận thấy đồng ý với mức độ này. Dù vậy, đây cũng là một kết quả đáng mừng, thể hiện sự nỗ lực hiệu của các thầy/cô trong quá trình

giảng dạy. Bởi đặc thù của học phần GDH 1 là chỉ được dạy cho SV năm thứ nhất các khoa cơ bản, trong 8 tuần của học kỳ 2 hàng năm với thời lượng 4 tiết/tuần. Thời gian lên lớp hạn chế; nội dung dạy học khá trừu tượng, mới mẻ; mối quan hệ giữa các SV lỏng lẻo do SV đến từ các khoa khác nhau là những cản trở cho việc tổ chức hoạt động hợp tác trên lớp học. Ngoài ra, việc SV chưa quen với hợp tác gián tiếp có hỗ trợ của công nghệ thông tin cũng là rào cản lớn cho việc tổ chức hoạt động hợp tác ngoài giờ lên lớp trong học tập của GV.

Bảng 2. *Mức độ tổ chức các hoạt động để PTNLHT cho SV*

Mức độ	SV		GV (SL)
	SL	TL%	
Rất thường xuyên	0	0	0
Thường xuyên	0	0	0
Thỉnh thoảng	50	46,73	2
Hiếm khi	57	53,27	0

Số lượng SV chỉ nhận thấy việc tổ chức các hoạt động để PTNLHT cho SV trong quá trình dạy học của GV ở mức độ “*Hiếm khi*” chiếm hơn một nửa (53,27%). Điều này có thể cho thấy việc tổ chức hoạt động của GV chưa hoàn toàn để lại dấu ấn mạnh mẽ, hiệu quả trong SV.

Như vậy, dù hầu hết SV và cả GV nhận thức được việc PTNLH cho SV trong quá trình dạy học là quan trọng, nhưng việc tổ chức các hoạt động để phát triển cho SV còn chưa nhiều, chưa đáp ứng được nhu cầu của SV.

4.3. Các hình thức PTNLHT trong học tập cho sinh viên

Bảng 3. *Hình thức tổ chức PTNLHT trong học tập cho SV*

Hình thức	ĐTB	ĐLC
Tích hợp nội dung phát triển năng lực hợp tác vào nội dung học phần để dạy tri thức về năng lực hợp tác	3,26	0,75
Tổ chức các nhóm học tập hợp tác trên lớp để rèn luyện, phát triển năng lực hợp tác trong học tập	3,15	0,58
Xây dựng môi trường học tập kích thích nhu cầu, tạo điều kiện hợp tác	1,49	0,28
Tổ chức các hoạt động học tập ngoài giờ lên lớp phát năng lực hợp tác trong học tập	2,19	0,38

Ghi chú: $1 \leq \text{ĐTB} \leq 5$. ĐTB càng cao mức độ vận dụng càng nhiều

Trong quá trình tổ chức các hoạt động để PTNLHT trong học tập cho SV, sự đa dạng của các hình thức vừa góp phần nâng cao mức độ, vừa góp phần nâng cao hiệu quả của việc tổ chức hoạt động. Để tìm hiểu về mức độ vận dụng các hình thức PTNLHT trong học tập cho SV, trong phiếu hỏi chúng tôi đưa ra các hình thức với các mức độ vận dụng

tương ứng: “Rất thường xuyên”, “Thường xuyên”, “Thỉnh thoảng”, “Hiếm khi”, “Chưa bao giờ” để GV và SV lựa chọn. Kết quả được chúng tôi tập hợp trình bày ở Bảng 3.

Hai hình thức được vận dụng ở mức độ nhiều nhất theo đánh giá của cả GV và SV là “*Tích hợp nội dung phát triển năng lực hợp tác vào nội dung học phần để dạy tri thức về năng lực hợp tác*” và “*Tổ chức các nhóm học tập hợp tác trên lớp để rèn luyện hình thành kỹ năng hợp tác trong học tập*”. Đây là hai hình thức cơ bản nhất để tổ chức các hoạt động PTNLHT trong học tập cho SV thông qua dạy học GDH. Nếu được vận dụng tốt, hiệu quả PTNLHT trong học tập cho SV sẽ được nâng cao.

Hình thức “*Xây dựng môi trường học tập kích thích nhu cầu, tạo điều kiện hợp tác*” và “*Tổ chức các hoạt động học tập ngoài giờ lên lớp phát năng lực hợp tác trong học tập*” được vận dụng ở mức độ thấp. Trong thực tế, việc xây dựng môi trường, tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp cần nhiều thời gian và có sự tham gia hỗ trợ của các lực lượng giáo dục khác ngoài giảng viên giảng dạy trên lớp học. Do đó, mặc dù ĐTB của hai hình thức này còn thấp nhưng cũng là kết quả đáng mừng vì GV đã nỗ lực để có thể vận dụng được hai hình thức này trong quá trình dạy học với điều kiện về thời gian giảng dạy hạn chế.

Ở hai hình thức trên, có sự chênh lệch đáng kể trong đánh giá về mức độ vận dụng ở GV và SV. GV cho rằng bản thân thường xuyên vận dụng nhưng SV chỉ nhận thấy mức vận dụng chỉ ở mức “Hiếm khi”. Việc xây dựng môi trường để hợp tác có thể diễn ra là hết sức quan trọng cho quá trình hợp tác nhóm trên lớp học diễn ra có hiệu quả, đồng thời tạo động lực, sức lan tỏa cho việc SV tự hợp tác với nhau ngoài giờ lên lớp. Do đó, cảm nhận của SV về môi trường học tập tích cực có thể kích thích nhu cầu và có điều kiện để hợp tác diễn ra là yếu tố rất quan trọng. Sự đánh giá mức độ vận dụng thấp hơn ở SV có thể cho thấy những gì GV đã làm để tạo sự gần gũi, tôn trọng, tin tưởng, chia sẻ,... lẫn nhau giữa các thành viên, tạo cảm giác có ý nghĩa, có giá trị, có ích trong nhóm ở SV chưa mang lại hiệu quả cao.

Nhìn chung, mức vận dụng các hình thức PTNLHT trong học tập cho SV trong quá trình dạy học Giáo dục học chưa đa dạng, còn thấp chỉ ở mức “*Thỉnh thoảng*” và “*Hiếm khi*”.

4.4 Các phương pháp và kỹ thuật dạy học PTNLHT trong học tập cho sinh viên

Để tìm hiểu về việc vận dụng các phương pháp và kỹ thuật dạy học PTNLHT, trong phiếu hỏi chúng tôi nêu ra các phương pháp và kỹ thuật dạy học để SV và GV lựa chọn. Kết quả được chúng tôi tổng hợp và trình bày ở Bảng 4.

Kết quả ở Bảng 4 cho thấy 2 phương pháp có tỷ lệ lựa chọn cao là phương pháp “*Thuyết trình*” và phương pháp “*Đàm thoại*”. Đánh giá này có sự phù hợp với đánh giá về hình thức vận dụng: “*Tích hợp nội dung phát triển năng lực hợp tác vào nội dung học phần để dạy tri thức về năng lực hợp tác*” có điểm trung bình vận dụng cao nhất (3,26). Đàm thoại và thuyết trình là những phương pháp dạy học có ưu thế trội trong việc trang bị tri thức về năng lực hợp tác trong học tập cho SV, giúp SV có hiểu biết đầy đủ, sâu và toàn diện về năng lực, hình thành thái độ đúng đắn, tích cực đối với năng lực và trong quá trình tham gia các hoạt động rèn luyện phát triển năng lực.

Theo đánh giá từ phía GV và SV hình thức “*Tổ chức các nhóm học tập hợp tác trên lớp để rèn luyện, phát triển năng lực hợp tác trong học tập*” có điểm trung bình cao (3,15). Do đó, khi được hỏi về phương pháp dạy học thì “*Phương pháp làm việc nhóm*” cũng được đánh giá sử dụng ở mức cao là điều dễ hiểu.

Mặc dù 2 phương pháp trên có tỷ lệ lựa chọn cao nhất khi khảo sát, nhưng chỉ cao so với những phương pháp khác. Tính trên tổng số SV được khảo sát thì tỷ lệ này còn thấp (79,44% và 74,77%).

Phương pháp “*Luyện tập*”, “*Thực hành*” có tỷ lệ lựa chọn khá thấp ở SV mặc dù cả 2 GV được khảo sát đều cho rằng bản thân có sử dụng phương pháp này trong quá trình dạy học để PTNLHT trong học tập cho SV. Phương pháp “*Trò chơi*” cũng là một phương pháp dạy học thông qua đó tạo cơ hội, điều kiện cho SV thực hành, luyện tập, trải nghiệm. Tuy nhiên chỉ có 1 GV sử dụng trong quá trình dạy học. Vì vậy, tỷ lệ lựa chọn cho rằng GV có sử dụng phương pháp này ở SV còn khá thấp (30,83%).

Ba kỹ thuật được GV sử dụng trong quá trình dạy học để PTNLHT trong học tập cho SV theo thứ tự từ cao đến thấp là kỹ thuật “*Chia sẻ theo cặp*”, kỹ thuật “*Khăn trải bàn*” và kỹ thuật “*Bản đồ khái niệm*”. Trong đó “*Chia sẻ theo cặp*” có tỷ lệ lựa chọn ở SV là cao nhất (47,66%). Hai kỹ thuật còn lại, có tỷ lệ sinh viên xác nhận GV có sử dụng ít hơn. Điều này có thể cho thấy việc sử dụng các kỹ thuật trên thực tế chưa thực sự tác động mạnh mẽ đến SV, cần có sự thay đổi để nâng cao hiệu quả sử dụng.

Các kỹ thuật còn lại bao gồm “*Viết theo vòng*”, “*Phỏng vấn ba bước*”, “*Ghép hình*” chưa được GV sử dụng. Các kỹ thuật này rất phù hợp cho việc tổ chức nhóm hợp tác trong quá trình dạy học GDH. Do đó, cần có sự mạnh dạn sử dụng, tạo nhiều cơ hội hơn cho SV được hợp tác với nhau.

Nhìn chung, GV đã sử dụng nhiều phương pháp dạy học nhằm PTNLHT cho SV. Tuy nhiên, còn nhiều kỹ thuật dạy học có khả năng PTNLHT cho SV chưa được vận dụng.

Bảng 4. Các phương pháp và kỹ thuật dạy học PTNLHT trong học tập cho sinh viên

Phương pháp	SL		GV	Kỹ thuật	SV		GV
	SL	TL	SL		SL	TL	SL
Thuyết trình	85	79,44	2	Chia sẻ theo cặp	51	47,66	2
Đàm thoại	80	74,77	2	Viết theo vòng	0	0	0
Làm việc theo nhóm	72	67,29	2	Ghép hình	0	0	0
Trò chơi	33	30,84	1	Phỏng vấn 3 bước	0	0	0
Dự án	0	0	0	Bản đồ khái niệm	26	24,30	1
Luyện tập	34	31,76	2	Khăn trải bàn	27	25,23	1
Thực hành	39	36,45	2	Kỹ thuật khác	0	0	

4.5. Đánh giá về mức độ tham gia hợp tác của sinh viên

Mức độ tham gia của SV trong quá trình hợp tác trong học tập là yếu tố trực tiếp thể hiện trình độ năng lực của SV, đồng thời cũng thể hiện tính hiệu quả trong việc tổ chức các hoạt động hợp tác của GV. Kết quả khảo sát về vấn đề này được chúng tôi tổng hợp và trình bày trong Bảng 5.

Bảng 5. Mức độ tham gia của SV trong quá trình hợp tác

Biểu hiện	Theo giới tính				Chung	
	Nam		Nữ			
	ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
Bắt đầu đúng giờ và tham gia suốt thời gian hợp tác	3,31	1,23	3,32	1,22	3,32	1,29
Thực hiện tốt các vai trò khác nhau trong nhóm: trưởng nhóm, thư ký	3,00	1,03	2,93	1,20	2,95	1,14
Chuẩn bị trước khi làm việc cùng nhau	3,09	1,01	3,40	1,10	3,30	1,08
Tập trung hoàn toàn vào giải quyết nhiệm vụ chính, mục tiêu chung	3,14	1,16	3,40	1,25	3,32	1,21
Chấp nhận những quyết định dựa trên sự đồng thuận	3,14	1,20	3,25	1,16	3,21	1,17
Chi phối cuộc thảo luận	2,49	0,98	2,93	1,31	2,79	1,23
Chăm chú lắng nghe khi thành viên khác nói	3,57	1,24	3,56	1,36	3,56	1,32
Thể hiện sự tôn trọng, chấp nhận những thành viên khác	3,69	1,13	3,64	1,35	3,65	1,28
Không xếp lịch trình các hoạt động khác khi tham gia các hoạt động hợp tác	3,14	1,06	2,86	1,37	2,95	1,28
Thể hiện sự thân thiện và cởi mở trong suốt buổi làm việc	3,46	1,12	3,69	1,24	3,62	1,20
Thể hiện sự vui vẻ và yêu thích làm việc cùng nhau	3,43	1,04	3,56	1,11	3,51	1,09
Thể hiện sự trân trọng những giá trị đến từ làm việc cùng nhau	3,11	1,28	3,32	1,27	3,25	1,27

Ghi chú: $1 \leq \text{ĐTB} \leq 5$. ĐTB càng cao mức độ tham gia càng nhiều

Việc tham gia hợp tác là yếu tố quyết định đến chất lượng của hợp tác và đến sự hoàn thiện của năng lực hợp tác. Tuy nhiên, kết quả thể hiện trong Bảng 5 cho thấy mức độ tham gia của SV trong quá trình hợp tác còn ở mức thấp ($2,8 < \text{ĐTB} < 3,66$). Cụ thể:

Chỉ có 4/12 biểu hiện đưa ra được SV đánh giá ở mức tham gia cao nhất trong quá trình hợp tác là: “Thể hiện sự tôn trọng, chấp nhận những thành viên khác” ($\bar{X} = 3,65$), “Thể hiện

sự thân thiện và cởi mở trong suốt buổi làm việc” ($\bar{X}=3,62$), “Chăm chú lắng nghe khi thành viên khác nói” ($\bar{X}=3,56$), “Thể hiện sự vui vẻ và yêu thích làm việc cùng nhau” ($\bar{X}=3,51$). Đánh giá của 2 GV cũng tương đồng với đánh giá của SV. Đây là những biểu hiện bên trong và bên ngoài tạo ra môi trường tâm lý thân thiện, gần gũi, cởi mở, được tôn trọng, được lắng nghe, được vui vẻ trong nhóm giúp các thành viên sẵn sàng chia sẻ, tương tác lẫn nhau nhằm thực hiện các nhiệm vụ học tập. Sự thích thú được hợp tác với bạn cùng lớp tạo cho GV nhiều cơ hội để tổ chức các hoạt động học tập có sự hợp tác cho SV.

Tất cả những biểu hiện khác chỉ ở mức độ khá thấp. Trong đó, có cả những biểu hiện hết sức quan trọng, quyết định đến quá trình hợp tác như: “Tập trung hoàn toàn vào giải quyết nhiệm vụ chính, mục tiêu chung” ($\bar{X} = 3,32$); “Chuẩn bị trước khi làm việc cùng nhau” ($\bar{X} = 3,33$); “Bắt đầu đúng giờ và tham gia suốt thời gian hợp tác” ($\bar{X} = 3,32$); “Thể hiện sự trân trọng những giá trị đến từ làm việc cùng nhau” ($\bar{X} = 3,25$). Đây là những biểu hiện hành động trước, trong và sau khi hợp tác, liên quan trực tiếp đến việc giải quyết nhiệm vụ hợp tác. Vì vậy, cần nâng mức độ biểu hiện hành động này trong quá trình hợp tác cho SV.

Như vậy, mặc dù SV đánh giá cao vai trò của PTNLHT trong học tập cho bản thân, SV cũng đánh giá năng lực của bản thân đang còn yếu và thiếu, từ đó, mức độ tham gia trong quá trình hợp tác chưa cao là điều dễ hiểu.

So sánh giữa nam và nữ bằng kiểm định t-test cho thấy, không có sự khác biệt trong đánh giá về mức độ tham gia hợp tác trong học tập của SV. Như vậy, yếu tố giới không ảnh hưởng đến mức độ tham gia tích cực hay không tích cực trong quá trình hợp tác.

So sánh giữa đánh giá của GV và SV cho thấy có sự tương đồng tuy chưa cao trong đánh giá về mức độ biểu hiện các hành động hợp tác trong quá trình hợp tác của SV (tương đồng ở 6/12 biểu hiện). Cụ thể: “Bắt đầu đúng giờ và tham gia suốt thời gian hợp tác”; “Chi phối cuộc thảo luận”, và “Nhận được giá trị từ làm việc cùng nhau” đều được đánh giá ở mức độ “Thỉnh thoảng”. Còn những biểu hiện: “Thân thiện và cởi mở trong suốt buổi làm việc”, “Chăm chú lắng nghe khi thành viên khác nói”, “Cảm thấy vui vẻ và thích làm việc cùng nhau” được đánh giá ở mức độ “Thường xuyên”.

Có sự đánh giá của GV ở mức cao hơn so với sự tự đánh giá của SV ở một số biểu hiện sau: “Thực hiện tốt các vai trò khác nhau trong nhóm”; “Chuẩn bị trước khi làm việc cùng nhau”; “Tập trung hoàn toàn vào giải quyết nhiệm vụ chính, mục tiêu chung”; “Chấp nhận những quyết định dựa trên sự đồng thuận”; “Không xếp lịch trình các hoạt động khác tham gia các hoạt động hợp tác”. Điều này cho thấy sự trung thực của SV trong quá trình tự đánh giá bản thân. Nó sẽ giúp SV có được sự hiểu biết đúng về hành động của bản thân để có sự cố gắng, nỗ lực, điều chỉnh kịp thời. Việc đánh giá của GV đối với quá trình tham gia hợp tác của từng SV trong nhóm thực sự là một thách thức lớn. Thông thường việc đánh giá mới tập trung vào kết quả hợp tác thể hiện trên sản phẩm tạo ra, còn đánh giá quá trình hợp tác diễn ra và sự thay đổi của bản thân SV sau quá trình hợp tác ít khi được thực hiện.

Nhìn chung, mức độ tham gia các hoạt động hợp tác trong học tập của SV còn rất thấp. Với mức này chưa thể giúp quá trình hợp tác diễn ra đạt hiệu quả cao nhất. Đồng thời nó cũng ảnh hưởng nhiều đến quá trình rèn luyện các kỹ năng hợp tác của bản thân.

5. KẾT LUẬN

PTNLHT trong học tập cho SV là mục tiêu, nhiệm vụ dạy học của học phần GDH, góp phần quan trọng giúp đáp ứng mục tiêu đào tạo trong nhà trường, phù hợp với xu hướng phát triển giáo dục trong giai đoạn nay. Do đó, cả GV và SV trong quá trình dạy học GDH đã có nhiều nỗ lực trong đa dạng hóa, nâng cao hiệu quả sử dụng hình thức, phương pháp, kỹ thuật dạy học để PTNLHT trong học tập cho SV. Tuy nhiên, mức độ và hiệu quả thực hiện vẫn chưa cao. Điều này dẫn đến việc tham gia hợp tác của SV trong học tập chưa đảm bảo yêu cầu. Do đó, cần sự mạnh dạn, quyết tâm và nỗ lực cao hơn nữa từ phía GV để tạo ra môi trường hỗ trợ, kích thích nhu cầu hợp tác nhằm nâng cao mức độ tham gia hợp tác theo chiều rộng và chiều sâu, qua đó, nâng cao năng lực hợp tác trong học tập cho SV.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Baloch, L. (2011). *A brief view of cooperative learning from across the pond, around the world, and over time*. Journal of Co-operative Studies, 44(3), 25-30.
- [2] Đặng Thị Thu Huyền (2016), *Phát huy năng lực hợp tác cho học sinh thông qua dạy học chương Hidrocacbon không no phân Hóa học hữu cơ 11-Trung học phổ thông*, Luận văn Thạc sĩ, Trường ĐH giáo dục, ĐHQGHN.
- [3] Dương Thị Hồng Hiều (2017), *Hợp tác: Cơ sở khoa học, khái niệm và hình thức vận dụng*, Tạp chí Khoa học xã hội và nhân văn, 14 (4b), 127-137, Trường ĐHSPT HCM.
- [4] Kaldırım, A.Tavşanlı, Ö. F, (2018). *The effect of collaborative learning approach on students' academic Achievement in Turkish courses in Turkey: A meta-analysis study*, Education and Science, 43(194), pp185-205.
- [5] Lai, E.R. (2011). *Collaboration: A Literature Review*. Pearson Assessments. <https://images.pearsonassessments.com/images/tmrs/Collaboration-Review.pdf>
- [6] Phạm, T.H.T, Gillier, R. & Renshaw, P. (2008). *Cooperative learning and academic achievement of asian students: A true story*. International Education Studies, 1 (3). 82-88.
- [7] Tran, V.D (2014). *The effects of cooperative learning on the academic achievement and knowledge retention*. International Journal of Higher Education, 3 (2).131-140.

Title: CURRENT SITUATION OF DEVELOPING LEARNING CAPACITY IN LEARNING FOR STUDENTS THROUGH TEACHING EDUCATION ACTIVITIES

Abstract: Many applied researches in subjects, at different levels of education, have shown that collaborative learning organizations can improve learners' learning outcomes. Therefore, research to apply appropriate activities for students in teaching Education Studies should also be conducted. This paper presents the results of research on the theoretical and practical basis of developing collaborative learning capacity for students through teaching pedagogy modules at the University of Education, Hue University.

Keywords: Capacity, cooperation, learning, education.